

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày 04-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Xuân Thủy.
2. Ông Lý Văn Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

BÀN PHI LONG, sinh ngày 22/7/2003 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi thường trú, chỗ ở hiện tại: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Bàn Văn B, sinh năm 1982 và bà Bàn Thị G, sinh năm 1985; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Đoàn Thị L - sinh năm 1968, trú tại thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đoàn Thị L: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Bàn Văn B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 09/7/2025, Bàn Phi L1 - sinh năm 2003, trú tại thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu sơn xám-đen, biển số 22FA-085.61 (xe của L1) đi theo quốc lộ C (hướng từ xã Y đi xã B). Khi L1 đi đến Km266+850 quốc lộ C, thuộc địa phận thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang (với vận tốc khoảng 55km/h), L1 quan sát thấy phía trước, cùng chiều (cách khoảng 40m) có một xe máy điện (màu sơn đỏ - đen, không gắn biển số) do bà Đoàn Thị L - sinh năm 1968, trú tại thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang điều khiển đang di chuyển cùng chiều. Phát hiện có chướng ngại vật phía trước, L1 không giảm tốc độ, không bật tín hiệu (đèn, còi...) mà điều khiển xe sang bên trái đường để vượt xe máy điện do bà L điều khiển. Tại thời điểm đó không biết L1 điều khiển xe mô tô vượt xe của mình nên bà L điều khiển xe chuyển hướng (rẽ trái theo chiều đi; khi chuyển hướng bà L không có tín hiệu báo rẽ) dẫn đến phần (mặt trước, đầu trực trước bên phải và ống giảm xóc phía trước bên phải) xe mô tô do L1 điều khiển va chạm vào phần (ốp sườn bên trái) xe máy điện do bà L điều khiển. Hậu quả: Bà Đoàn Thị L ngã xuống đường bị thương tích nặng đến ngày 10/7/2025 thì chết; L1 bị thương tích nhẹ; hai phương tiện hư hỏng nhẹ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông tại Km266+850 quốc lộ C, thuộc thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, tại thời điểm khám nghiệm hiện trường không còn nguyên vẹn do quá trình cấp cứu nạn nhân và trời mưa. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường hai chiều, đường thẳng tầm nhìn không bị hạn chế, mặt đường trải nhựa bằng phẳng, nhẵn, không có chướng ngại vật, mặt đường ướt do trời mưa. Lòng đường rộng 8,3 mét, giữa đường có vạch sơn đứt quãng màu vàng chia lòng đường thành 2 phần đường, phần đường bên phải rộng 4,2 mét, phần đường bên trái rộng 4,1 mét. Khu vực hiện trường không có hệ thống đèn đường. Mở rộng hiện trường, xung quanh không có biển báo giao thông. Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng xã C đi xã B, tỉnh Tuyên Quang; lấy mép đường bên trái hướng xã C đi xã B làm mép chuẩn để đo vuông góc đến vị trí các dấu vết, phương tiện; Lấy cột tiêu ký hiệu “H8/266” trên lề đường bên phải làm vật chuẩn để đo đến các vị trí dấu vết, phương tiện.

- Tại các biên bản khám phương tiện ngày 10/7/2025 đối với xe mô tô biển kiểm soát 22FA-085.61 và xe máy điện được mô tả đầy đủ đặc điểm tình trạng các phương tiện sau khi xảy ra va chạm.

- Tại Kết luận giám định số 837/KL-KTHS ngày 25/07/2025, của Phòng K Công an tỉnh T, đối với mẫu máu thu của tử thi Đoàn Thị L, kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy thường gặp (Morphine; Heroine; Methamphetamine; MDMA; Delta-9-tetrahydrocannabinol; Ketamine) trong mẫu gửi giám định.

- Tại Kết luận giám định số 838/KL-KTHS ngày 25/07/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, đối với mẫu máu thu của tử thi Đoàn Thị L, kết luận: Mẫu máu gửi giám định không có cồn (Ethanol).

- Tại Kết luận giám định 836/KL-KTHS, ngày 29/7/2025, của Phòng K Công an tỉnh T, giám định dấu vết màu nâu đỏ thu ở vị trí số 4 tại hiện trường và mẫu so sánh là mẫu máu của tử thi Đoàn Thị L, kết luận:

+ Dấu vết màu nâu đỏ thu ở vị trí số 4 trên hiện trường là máu người, thuộc nhóm máu A.

+ Máu của tử thi Đoàn Thị L thuộc nhóm máu A.

- Tại Bản kết luận giám định số 835/KL-KTHS ngày 30/07/2025, của Phòng K Công an tỉnh T, giám định vi thể, kết luận: Não: Chảy máu, tụ máu màng não, tế bào thần kinh thoái hoá.

- Tại Bản kết luận giám định số 777/KL-KTHS ngày 08/08/2025, của Phòng K Công an tỉnh T, giám định pháp y tử thi Đoàn Thị L, kết luận: Nguyên nhân chết của bà Đoàn Thị L là chấn thương sọ não hôn mê sâu ngày thứ 2.

- Tại Bản kết luận giám định số 849/KL-KTHS, ngày 21/8/2025, của Phòng K Công an tỉnh T, giám định dấu vết cơ học, kết luận:

+ Dấu vết mài, trượt đứt quãng, chiều hướng từ sau ra trước tại ốp sườn bên trái hộp đựng ắc quy xe máy điện không có biển số (ảnh 9 trong bản ảnh giám định) hình thành do va chạm với dấu vết trượt, xước, chiều hướng từ trước về sau tại mặt trước đầu trục trước bên phải và ống giảm xóc trước bên phải xe mô tô biển số 22FA-085.61 (ảnh 10 trong bản ảnh giám định) là phù hợp.

+ Vị trí va chạm trên mặt đường giữa xe máy điện không có biển số và xe mô tô biển số 22FA-085.61 ở phía trước điểm đầu vết cày mặt đường tại vị trí số 1 và vị trí số 2 trong biên bản khám nghiệm hiện trường và thuộc phần đường bên phải theo hướng xã C đi xã B là phù hợp.

- Tại Phiếu đo nồng độ cồn, hồi 18 giờ 25 phút, ngày 09/7/2025 đối với Bàn Phi L1 bằng phương pháp đo hơi thở, kết quả: 0,000 miligam/1 lít khí thở.

- Tại Biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy, hồi 21 giờ 30 phút, ngày 09/7/2025 đối với Bàn Phi L1, kết quả: Không có chất ma túy trong cơ thể Bàn Phi L1.

Ngày 26/12/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang đã ra Cáo trạng số 23/CT-VKS truy tố bị cáo Bàn Phi L1 về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Phi L1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang quản lý giám sát trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bàn Phi L1.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả cho bị cáo 01 giấy đăng ký mô tô, xe gắn máy số 22 003777; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số A, mang tên Bàn Phi L1; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe Mô tô, xe máy cho bị cáo Bàn Phi L1.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận giữa gia đình bị cáo Bàn Phi L1 và đại diện gia đình bị hại đã thỏa thuận và thực hiện bồi thường xong số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*); tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn T không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Bị cáo Bàn Phi L1 thuộc diện hộ nghèo, là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp án phí nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Về kháng cáo bản án: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn T xác định đã nhận được đầy đủ số tiền thỏa thuận bồi thường thiệt hại của gia đình bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bàn Phi L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bàn Văn B có mặt tại phiên tòa xác nhận việc được thay mặt bị cáo thỏa thuận bồi thường và giao số tiền bồi thường 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) cho đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo Bàn Phi L1 không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên ông không yêu cầu bị cáo L1 phải hoàn trả lại cho ông số tiền ông đã bồi thường thay cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Bị hại cũng có một phần lỗi, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo Bàn Phi L1 khai nhận hành vi phạm tội của mình, nội dung nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 09/7/2025, tại km 266+850 quốc lộ C, thuộc địa phận thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; Bàn Phi L1, trú tại thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu sơn xám-đen, biển số 22FA-085.61 tham gia giao thông vượt xe không đúng quy định (vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật trật tự giao thông đường bộ) dẫn đến xe mô tô do L1 điều khiển đã va chạm với xe máy điện do bà Đoàn Thị L điều khiển đi cùng chiều. Hậu quả bà L chết do chấn thương sọ não hôn mê sâu ngày thứ 2. Hành vi của Bàn Phi L1 khi điều khiển xe mô tô biển số 22FA-085.61 tham gia giao thông không đảm bảo an toàn khi vượt xe (không có báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi) dẫn đến tai nạn gây hậu quả nghiêm trọng. Đã vi phạm vào khoản 5 Điều 14 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024. Đối với bị hại là bà Đoàn Thị L cũng có một phần lỗi, khi chuyên hướng (rẽ trái) không có tín hiệu báo rẽ theo quy định tại khoản 2 điều 15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, hành vi của Bàn Phi L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự, như vậy cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho người tham gia giao thông; Bị cáo nhận thức được việc tham gia giao thông không đảm bảo an toàn khi vượt xe (không có báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi) dẫn đến tai nạn giao thông, hậu quả làm bà L chết, L1 bị thương, phương tiện bị hư hỏng. Vì vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện thỏa thuận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại (hiện đã bồi thường xong); bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị hại cũng có một phần lỗi; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông, bà ngoại là Lý Thị M và Bàn Công Tác là người đã tham gia dân công hỏa tuyến trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện để được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện (án treo) quy định tại Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định hình phạt đối với bị cáo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Bàn Phi L1 không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại giai đoạn điều tra, gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*), gia đình bị cáo đã thực hiện bồi thường xong. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về vật chứng của vụ án*:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (một) xe máy điện, không có biển số, trên thân xe có kí hiệu “133S”, màu sơn đỏ - đen. Số động cơ CT48V500W150802410, số khung RLPYHGDGUMFBM00620 đã sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn xám - đen, biển số đăng ký 22FA-085.61, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số 010247059042 do Sở GT cấp ngày 24/7/2024 mang tên Bàn Phi L1. 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy số 22 003777 do Trưởng Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 24/09/2024, biển số đăng ký 22FA-085.61; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe Mô tô, xe máy số: AA24/0234479 do Tổng công ty cổ phần B1 cấp ngày 17/9/2024.

Ngày 28/11/2025 Cơ quan điều tra đã trả 01 xe máy điện, không có biển số, trên thân xe có kí hiệu “133S”, màu sơn đỏ-đen. Số động cơ

CT48V500W150802410, số khung RLPYHDGUMFBM00620 đã qua sử dụng cho ông Phạm Văn T (đại diện bị hại). Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn xám - đen, biển số đăng ký 22FA-085.61, đã qua sử dụng cho Bàn Phi L1 là đúng quy định, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 giấy đăng ký mô tô, xe gắn máy số 22 003777; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số A, mang tên Bàn Phi L1; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy đã thu giữ cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho bị cáo Bàn Phi L1 (đã trả lại cho bị cáo tại phiên tòa).

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với bị hại là bà Đoàn Thị L cũng có một phần lỗi, khi chuyển hướng (rẽ trái) không quan sát, không có tín hiệu báo rẽ, không đội mũ bảo hiểm vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024, vi phạm quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024, tuy nhiên sau tai nạn bà L đã tử vong, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Bàn Phi L1 thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, 47, 65 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Bàn Phi L1 phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- *Về hình phạt:* Xử phạt Bàn Phi L1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/02/2026).

Giao bị cáo Bàn Phi L1 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì

thực hiện theo các Điều 68, 92, của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho bị cáo Bàn Phi L1 01 giấy đăng ký mô tô, xe gắn máy số 22 003777; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số A, mang tên Bàn Phi L1; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy cho bị cáo Bàn Phi L1 (đã trả cho bị cáo tại phiên tòa).

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Phi L1.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/02/2026). Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- Cơ quan Điều tra CA tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam số 1 CA tỉnh Tuyên Quang;
- Hồ sơ THAHS;
- Bị cáo; Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Hạnh Quỳnh

